

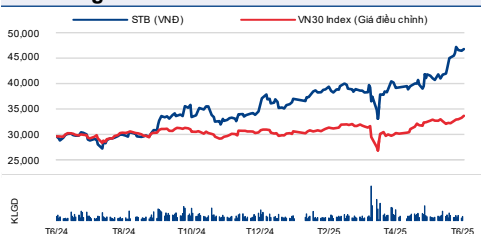
Tăng tỷ trọng (từ Mua vào)

Giá mục tiêu: VNĐ50,100 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: 7.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/6/2025)	46,800
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	27,200-47,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	46,583
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	88,228
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,373
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	g Dương Công Minh (3.32%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	12.0	21.1	58.1
So với chỉ số	7.69	14.8	39.1
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch. lệch
2025F	5,627	5,929	(5.1)
2026F	7,161	7,165	(0.1)
2027F	8,775	9,037	(2.9)

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích**Lê Khánh Tùng**

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Hạ khuyến nghị xuống Tăng tỷ trọng sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh

- HSC hạ khuyến nghị đối với STB xuống Tăng tỷ trọng (từ Mua vào) sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 1 tháng qua; chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu ở mức 50.100đ, tương đương tiềm năng tăng giá 7%.
- Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2025-2027 với LNTT tăng trưởng trung bình 20% trong 3 năm qua và hệ số ROE bình quân ở mức 18,5% nhờ HĐKD cốt lõi vững chắc.
- STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,33 lần, cao hơn 17% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,13 lần nhưng thấp hơn định giá điều chỉnh cho thương vụ đầu giá ở mức 1,09 lần.

Sự kiện: Giá cổ phiếu tăng 12% trong 1 tháng qua

Giá cổ phiếu STB đã tăng 12% trong 1 tháng qua và tăng 13% kể từ ngày 27/5/2025, có thể nhờ niềm tin của NĐT xung quanh quá trình tái cấu trúc của Ngân hàng, thể hiện qua thay đổi lãnh đạo ngân hàng gần đây.

Nền tảng cơ bản không đổi, động lực đã phản ánh một phần vào giá cổ phiếu

Xin nhắc lại, vào ngày 22/5/2025, Tổng giám đốc Nguyễn Đức Thạch Diễm đã rời nhiệm sở sau 8 năm lãnh đạo quá trình tái cấu trúc của STB. Quá trình chuyển giao lãnh đạo được điều hướng phản ứng tích cực cho thấy sự kỳ vọng cao của thị trường về thay đổi về cơ cấu sở hữu. Tuy nhiên, thời điểm đầu giá cổ phần 32% cổ phần - một cột mốc tái cấu trúc quan trọng và động lực tăng giá chính cho cổ phiếu - vẫn chưa chắc chắn, thông tin về thủ tục cũng như thông báo chính thức vẫn chưa được công bố cho đến thời điểm hiện tại.

Đội ngũ BLD mới sẽ không ảnh hưởng tới mô hình ngân hàng tập trung vào phân khúc bán lẻ và DNNVV của STB, HSC vẫn giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2025-2027, tương đương tốc độ tăng trưởng CAGR LNTT đạt 20% trong 3 năm tới và hệ số ROE bình quân ở mức 18,5%. Trong Q2/2025, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng LNTT sẽ được củng cố nhờ tăng trưởng tín dụng vững chắc của toàn ngành và tỷ lệ NIM ổn định. Tiềm năng tăng đối với dự báo của chúng tôi có thể đến từ các khoản thu nhập không thường xuyên hoặc hoàn nhập dự phòng, liên quan đến số tiền đầu giá KCN Phong Phú, với một đợt đầu giá dự kiến diễn ra vào tháng 6/2025.

Định giá và khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu tăng lần lượt 12% và 21% trong 1 tháng và 3 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,33 lần, cao hơn 17% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,13 lần. Nếu chúng tôi bao gồm giá trị kỳ vọng từ thương vụ đầu giá, P/B dự phóng điều chỉnh năm 2025 sẽ ở mức 1,09 lần, thấp hơn một chút so với ngành và vẫn có tiềm năng tăng giá.

Tiềm năng tăng giá đã thu hẹp đáng kể sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây dù chúng tôi vẫn ưa thích câu chuyện chuyển biến tích cực của STB. Tuy nhiên, HSC vẫn hạ khuyến nghị cho STB xuống Tăng tỷ trọng (từ Mua vào) và giữ nguyên giá mục tiêu ở mức 50.100đ (tiềm năng tăng giá 7%), tương đương P/B dự phóng năm 2025 là 1,44 lần (trước đầu giá) và 1,17 lần (điều chỉnh cho thương vụ đầu giá). Mời xem thông tin chi tiết về dự báo lợi nhuận và định giá của chúng tôi trong báo cáo: [HĐKD cốt lõi ổn định, kỳ vọng định giá cao hơn; nâng khuyến nghị lên Mua vào](#) (HSC 2/6/2025).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/6.

Cuối năm: Tháng 12	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi thuần (nghìn tỷ đồng)	22.1	24.5	28.8	33.2	38.5
Tổng thu nhập HĐ (nghìn tỷ đồng)	26.2	28.7	34.3	40.3	47.1
LN thuần (nghìn tỷ đồng)	7.72	10.1	11.7	14.5	17.6
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,184	7,700	9,335
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
BVPS (đồng)	24,259	29,160	34,873	41,650	49,678
P/E (lần)	11.4	8.75	7.57	6.08	5.01
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-
P/B (lần)	1.93	1.60	1.34	1.12	0.94
Tăng trưởng EPS (%)	53.1	30.7	15.6	24.5	21.2
ROAE (%)	18.3	20.0	19.3	20.1	20.4

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Bảng 1: Mô hình định giá theo phương pháp thu nhập thặng dư, STB

Tỷ đồng	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	Năm kết thúc
Lợi nhuận thuần	11,657	14,517	17,598	21,302	23,925	26,963	30,517	34,312	35,342
- Chi phí vốn CSH	8,466	10,125	15,719	18,430	21,054	24,001	27,323	31,083	32,015
Lợi nhuận thặng dư	3,192	4,392	1,879	2,872	2,871	2,961	3,194	3,229	3,326
Giá trị dài hạn của lợi nhuận thặng dư									12,902
Chi phí vốn CSH tích lũy	1.16	1.34	1.54	1.78	2.06	2.37	2.74	3.16	3.16
Giá trị hiện tại	2,754	3,285	1,218	1,613	1,397	1,249	1,167	1,023	8,493
Giá trị của cổ phiếu	46,648	53,552							
Giá mục tiêu	50,100								

Nguồn: STB, HSC dự báo

Bảng 2: Phân tích đầu giá 32% cổ phần STB

	Đồng
Giá đầu giá	34,000
Giá trị sổ sách của cổ phiếu trước khi đầu giá, năm 2025	34,873
P/B trượt ước tính	0.97
Số tiền thu được sau thuế (tỷ đồng)	15,000
Giá trị sổ sách của cổ phiếu sau khi đầu giá, năm 2025	42,829
P/B hiện tại sau đầu giá, năm 2025	1.09
P/B mục tiêu sau đầu giá, năm 2025	1.17

Nguồn: STB, HSC dự báo

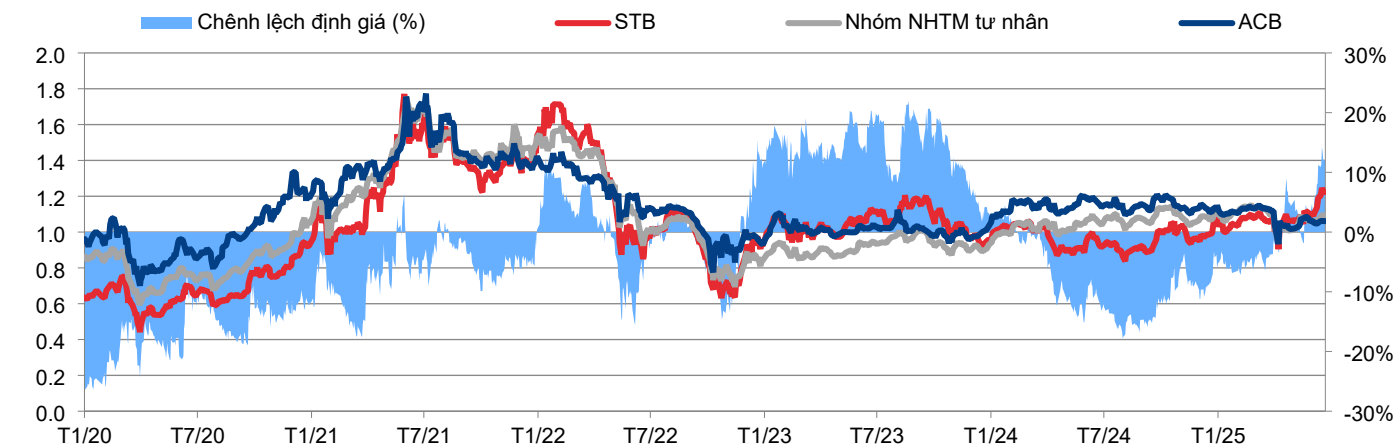
Bảng 3: Phân tích độ nhạy định giá đối với giả định lãi suất phi rủi ro & phần bù rủi ro vốn CSH, STB

	Phần bù rủi ro vốn CSH					
		7.5%	8.5%	9.5%	10.5%	11.5%
Lãi suất phi rủi ro	3.0%	81,185	67,717	57,216	48,821	41,971
	3.5%	75,140	63,040	53,500	45,804	39,478
	4.0%	69,727	58,802	50,100	43,023	37,165
	4.5%	64,854	54,946	46,981	40,452	35,013
	5.0%	60,448	51,425	44,109	38,070	33,008

Nguồn: STB, HSC dự báo

Biểu đồ 4: So sánh P/B trượt dự phóng 1 năm

STB hiện giao dịch với định giá cao hơn 10% so với các NHTM tư nhân, đảo chiều mạnh mẽ từ mức chiết khấu 18% trong Q2/2024



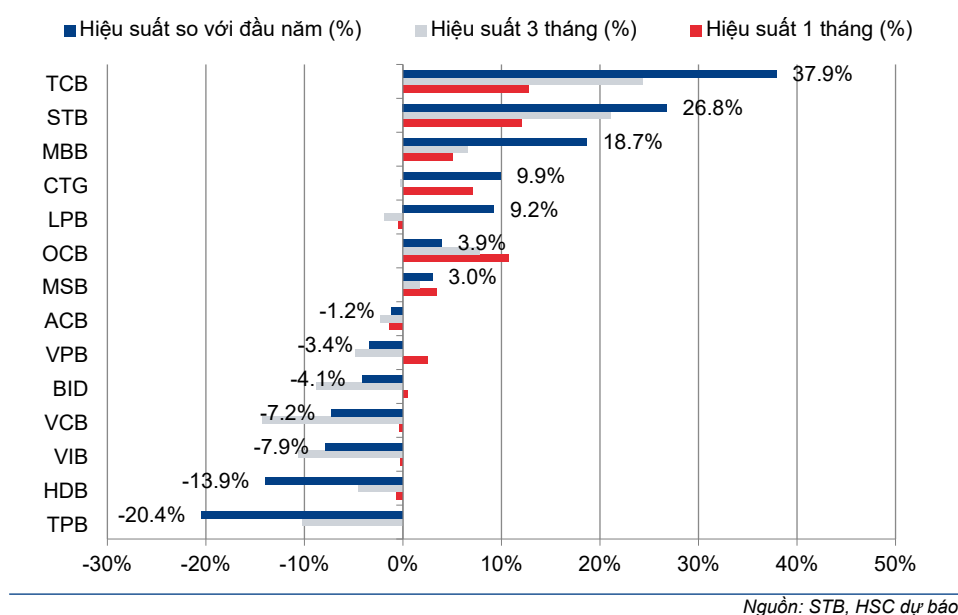
Nguồn: STB, HSC dự báo

Bảng 5: So sánh các ngân hàng Việt Nam

Ngân hàng	Thị giá Đồng	Khuyến nghị	Giá mục tiêu Đồng	P/B (lần)		ROE (%)			Tăng trưởng EPS (%)		P/B tại giá mục tiêu (lần)
				2025F	2026F	2024	2025F	2026F	2025F	2026F	
ACB	21,600	Mua vào	29,300	1.15	0.99	21.6%	19.3%	19.7%	10.0%	18.3%	1.56
BID	35,850	Tăng tỷ trọng	42,500	1.50	1.28	17.0%	15.3%	15.2%	15.0%	13.9%	1.77
CTG	38,800	Mua vào	53,800	1.17	0.97	16.5%	18.6%	18.9%	34.7%	22.6%	1.63
HDB	22,100	Mua vào	27,083	1.12	0.92	22.6%	22.1%	21.0%	19.6%	15.8%	1.37
LPB	31,950	Bán ra	21,700	2.07	1.78	24.8%	22.5%	20.9%	-9.4%	23.2%	1.41
MBB	24,650	Mua vào	29,900	1.13	0.96	20.5%	18.6%	18.1%	4.8%	12.4%	1.37
MSB	11,600	Mua vào	14,900	0.71	0.63	16.2%	14.4%	12.1%	10.4%	-3.1%	0.91
OCB	10,700	Tăng tỷ trọng	12,700	0.79	0.71	10.5%	10.3%	11.4%	20.8%	15.2%	0.94
STB	46,800	Tăng tỷ trọng	50,100	1.33	1.10	18.3%	17.6%	19.0%	15.3%	30.0%	1.44
TCB	30,150	Mua vào	31,100	1.26	1.09	16.4%	17.0%	17.6%	17.9%	19.4%	1.30
TPB	13,250	Tăng tỷ trọng	15,900	0.82	0.70	15.4%	17.5%	18.7%	19.4%	22.5%	0.98
VCB	56,800	Tăng tỷ trọng	66,300	1.88	1.64	17.1%	14.2%	13.4%	12.8%	10.8%	2.19
VIB	18,200	Tăng tỷ trọng	20,300	1.13	0.98	17.8%	17.9%	18.5%	24.2%	25.5%	1.26
VPB	18,100	Mua vào	23,000	0.93	0.84	11.3%	12.7%	14.6%	20.6%	25.1%	1.18
Bình quân ngành				1.21	1.04	17.6%	17.0%	17.1%	12.5%	17.1%	1.38
Bình quân nhóm NHTM có vốn Nhà nước				1.52	1.30	16.9%	16.0%	15.9%	14.9%	17.7%	1.86
Bình quân nhóm NHTM tư nhân				1.13	0.97	17.8%	17.3%	17.4%	11.9%	16.9%	1.25

Ghi chú: Dữ liệu giá ngày 25/6/2025.
Nguồn: STB, HSC dự báo

Biểu đồ 6: Biến động giá cổ phiếu của các ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2025
STB và TCB là hai cổ phiếu có diễn biến tích cực nhất trong nửa đầu năm 2025



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	55.9	50.0	61.3	72.1	83.0
Chi phí lãi	(33.9)	(25.5)	(32.5)	(38.9)	(44.5)
Thu nhập lãi thuần	22.1	24.5	28.8	33.2	38.5
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.62	2.98	3.66	4.50	5.58
Lãi thuần HĐ KDNH	1.10	1.11	1.27	1.46	1.68
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.03	0.06	0.06	0.07	0.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.02	0.00	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.33	0.00	0.50	0.98	1.18
Tổng thu nhập HĐ	26.2	28.7	34.3	40.3	47.1
Chi phí HĐ	(12.9)	(14.0)	(15.6)	(17.1)	(18.8)
LN trước dự phòng	13.3	14.7	18.7	23.1	28.3
Chi phí dự phòng	(3.69)	(1.97)	(4.13)	(4.99)	(6.25)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9.60	12.7	14.6	18.1	22.0
Chi phí thuế TNDN	(1.88)	(2.63)	(2.91)	(3.63)	(4.40)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7.72	10.1	11.7	14.5	17.6
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,184	7,700	9,335
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7.55	8.21	8.97	8.80	8.43
Tiền gửi tại NHNN	12.8	17.6	12.5	10.0	8.83
Tiền gửi tại các TCTD khác	50.3	88.2	95.3	103	111
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	475	530	610	702	808
Tổng dư nợ cho vay	483	539	620	713	820
Dự phòng rủi ro	(7.56)	(8.87)	(10.0)	(10.9)	(11.9)
Chứng khoán đầu tư	74.6	85.6	93.6	112	129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	22.6	23.6	28.3	33.9	39.0
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66.7	75.4	80.4	93.5	105
Dự phòng rủi ro	(14.6)	(13.3)	(15.1)	(15.1)	(15.1)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.27	7.36	7.58	7.80	8.04
Tài sản khác	46.5	10.5	11.4	12.2	13.0
Tổng tài sản	674	748	840	956	1,087
Nợ phải trả	629	693	774	878	993
Tiền gửi của NHNN	0.02	0.05	0.06	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	38.0	70.7	77.7	88.6	94.8
Tổng tiền gửi KH	511	567	641	733	843
Trái phiếu và CCTG	29.0	36.8	38.6	40.5	40.5
Nợ khác	50.5	18.3	16.4	14.8	14.1
Vốn chủ sở hữu	45.7	55.0	65.7	78.5	93.7
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	20.4	28.4	37.2	47.8	60.3
Quỹ & vốn khác của CSH	4.75	5.94	7.96	10.1	12.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	674	748	840	956	1,087
BVPS (đồng)	24,259	29,160	34,873	41,650	49,678

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.9	10.9	12.2	13.9	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.1	11.7	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.3	11.0	13.0	14.5	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	11.8	12.5	14.0	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.2	19.6	19.4	19.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.7	11.1	17.3	15.5	15.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.6	8.48	11.6	9.84	9.84
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(12.5)	10.6	27.2	23.7	22.1
Tăng trưởng LNTT (%)	51.4	32.6	14.6	24.5	21.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.1	30.7	15.6	24.5	21.2
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.13	4.03	4.32	4.48	4.61
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.97)	(1.97)	(1.91)	(1.84)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	94.4	97.3	98.4	98.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.41	1.61	1.80	2.00
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	14.0	18.2	21.1	26.3	31.8
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.4	8.75	7.57	6.08	5.01
P/B (lần)	1.93	1.60	1.34	1.12	0.94
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.5	35.2	34.0	36.0	37.4
ROAA (%)	1.22	1.42	1.47	1.62	1.72
ROAE (%)	18.3	20.0	19.3	20.1	20.4
Chi phí huy động BQ (%)	6.17	4.07	4.54	4.80	4.83
Lợi suất góp BQ (%)	9.56	7.44	7.94	8.16	8.22
Lợi suất thuần (%)	3.39	3.38	3.39	3.36	3.39
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.65	3.73	3.76	3.82
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.0	10.4	10.7	11.2	11.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.3	85.5	83.9	82.5	81.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.67	4.07	5.41	6.29	6.27
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	48.8	45.5	42.6	40.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.11	10.1	10.3	10.6	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	6.78	7.35	7.83	8.21	8.62
Đòn bẩy vốn (lần)	14.7	13.6	12.8	12.2	11.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	2.40	2.10	1.90	1.70
Hệ số LLR (%)	68.8	68.4	77.1	80.7	85.1
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	95.1	96.8	97.2	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.57	10.5	10.3	10.3	9.69
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.6	72.1	73.9	74.6	75.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	19,358	20,326	21,342	22,409	23,530

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn